TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2022
V/v: "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hoàng Diễm.
2. Bà Phạm Thu Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Ông Võ Minh C, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Tất cả đương sự xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2022 và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 15/7/2022, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án; nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Võ Minh C tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/4/2007. Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà L

xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông C nên bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Tại biên bản làm việc ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; bị đơn ông Võ Minh C trình bày:

Ông Võ Minh C thống nhất với phần trình bày của bà Lê Thị L về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nơi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu đến tháng 05/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông C phát hiện bà L quen người đàn ông khác nhưng ông C không biết người đó và không có chứng cứ chưng minh cho lời trình bày này; ông C và bà L sống ly thân từ tháng 05/2022 cho đến nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông C cũng đồng ý ly hôn.

Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị L và ông Võ Minh C khai có một con chung tên là Võ Phát H, sinh ngày 11/10/2006; bà L và ông C thống nhất sau khi ly hôn, ông C là người trực tiếp nuôi con chung tên Võ Phát H và bà L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị L và ông Võ Minh C khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn bà Lê Thị L thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Võ Minh C thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L về việc ly hôn với ông Võ Minh C.
- Về con chung: Giao cho ông Võ Minh C là người trực tiếp nuôi con chung tên Võ Phát H, sinh ngày 11/10/2006. Ghi nhận việc ông Võ Minh C không yêu cầu bà Lê Thị L cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị L và ông Võ Minh C khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Lê Thị L khởi kiện ông Võ Minh C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Hiện nay, ông Võ Minh C, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Bà Lê Thị L là nguyên đơn và ông Võ Minh C là bị đơn có đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị L và ông Võ Minh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 03/4/2007, Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn cho bà Lê Thị L và ông Võ Minh C nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị L và ông Võ Minh C là hợp pháp. Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau nên bà L và ông C sống ly thân từ tháng 05/2022 cho đến nay. Bà L và ông C đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L yêu cầu ly hôn thì ông C cũng đồng ý lý hôn và bà L, ông C yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông C và không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của bà L có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị L và ông Võ Minh C khai có một con chung tên là Võ Phát H, sinh ngày 11/10/2006; bà L và ông C thống nhất sau khi ly hôn, ông C là người trực tiếp nuôi con chung tên Võ Phát H. Ghi nhận việc ông Võ Minh C không yêu cầu bà Lê Thị L cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị L và ông Võ Minh C khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị L phải chịu là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng.

[6] Tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với ông Võ Minh C. Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Võ Minh C.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị L và ông Võ Minh C có một con chung tên là Võ Phát H, sinh ngày 11/10/2006; bà L và ông C thống nhất sau khi ly hôn, ông C là người trực tiếp nuôi con chung tên Võ Phát H. Ghi nhận việc ông Võ Minh C không yêu cầu bà Lê Thị L cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Lê Thị L là người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức sau có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con: Người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp phụ nữ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị L và ông Võ Minh C khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Lê Thị L phải nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006462 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- UBND xã A, huyện C, T. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn